

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1848/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-12-2018
V/v: Tranh chấp ly hôn giữa chị P
và anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Liêm

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Anna Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 991/2018/HNST ngày 20 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 591/2018/QĐXX- HN ngày 16 tháng 11 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 494/2018/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị P, sinh năm 1987; Địa chỉ thường trú: Thôn Thượng Hộ Trung, xã Hồng Lý, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; địa chỉ tạm trú: Số 4 đường S, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện nay: Số 24 đường ĐTH 17, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh H, sinh năm 1975; Thường trú : Thôn Thượng Hộ Trung, xã Hồng Lý, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; địa chỉ tạm trú: Số 4 đường S, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị P trình bày: Chị và anh H tự nguyện đến với nhau và có đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Lý, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01 ngày 20/4/2010. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên Q, sinh ngày 26/10/2009. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Quyên đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị P tự khai không có.

Tại bản tự khai ngày 09/8/2018, anh H trình bày:

Anh và chị P tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Lý, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01 ngày 20/4/2010. Hạnh phúc gia đình kéo dài đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh và chị P đi làm lệch giờ nhau nên không có thời gian quan tâm chăm sóc nhau. Giữa hai vợ chồng thỉnh thoảng có mâu thuẫn nhỏ về quan điểm sống và trong công việc do làm ăn thất bại. Từ tháng 06/2018 anh và chị P sống ly thân cho đến nay.

Nay chị P làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý. Vì anh H còn thương vợ con.

Về con chung: Có 01 con chung tên Q, sinh ngày 26/10/2009. Nếu ly hôn anh H yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H và chị P tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H tự khai không có.

- Tòa án đã tiến hành xác minh và tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải cho anh H đến Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H chỉ đến Tòa án làm bản tự khai và hòa giải có 01 lần vào ngày 07/9/2018 nhưng sau khi hòa giải xong chờ ký biên bản hòa giải thì anh H bỏ về do đó buổi hòa giải không thành và Tòa án lập biên bản về việc trên làm bằng để có cơ sở giải quyết vụ án. Những lần sau anh H không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh H và chị cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh H Ngoại tình. Cuộc sống vợ chồng ngột ngạt. Anh H không quan tâm chăm sóc vợ con.

Về con chung: Có 01 con chung tên Q, sinh ngày 26/10/2009. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Quyên đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung, nợ chung: Chị P tự khai không có.

Anh H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử : Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị P ly hôn với anh H.

Về con chung: Giao 01 con chung tên Q, sinh ngày 26/10/2009 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Quyên đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Chị P tự khai không có nên không xem xét. Chị P phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị P khởi kiện bị đơn anh H có nơi cư trú tại số 48 đường 15, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án tranh chấp “ Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh

H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

2.1 Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 37, quyền số 01 ngày 20/4/2010 do Ủy ban nhân dân xã Hồng Lý, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình cấp ngày 20 tháng 4 năm 2010 thì hôn nhân của chị P và anh H là hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Tại bản tự khai ngày 14/8/2018, chị P yêu cầu ly hôn với anh H vì chị cho rằng chị và anh H tính tình không hòa hợp cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, hạnh phúc không đạt được như mong muốn, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh H đã nhiều lần ngồi lại với nhau để hàn gắn nhưng không có kết quả. Mặt khác chị và anh H đã ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay.

-Tại bản tự khai ngày 09/8/2018 anh H thừa nhận “ Hạnh phúc gia đình kéo dài đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do giữa anh và chị P đi làm thời gian lệch nhau nên không có thời gian quan tâm chăm sóc nhau. Anh và chị P đã ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay .”

-Căn cứ vào kết quả xác minh ngày 14/9/2018 của Hội liên hiệp Phụ nữ Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh thì : “Chị P và anh H trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và hiện nay chị P không còn ở tại địa chỉ số 48 đường số 15, Phường 11, quận Gò Vấp”.

-Căn cứ theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Chị P và anh H hiện nay không còn sống chung với nhau, đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Mặt khác anh H cũng không đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ gia đình mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ chứng tỏ anh H không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy mục đích hôn nhân giữa chị P và anh H không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân năm 2014 thì “ Tòa án giải quyết cho ly hôn ...nếu có căn cứ về việc vợ chồng có hành vi bạo lực..hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ chồng ...mục đích hôn nhân không đạt được...” do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

2.2 Xét yêu cầu của chị P về việc xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Q, sinh ngày 26/10/2009 và chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với anh H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

-Chị P hiện đang nuôi dưỡng cháu Quyên và cuộc sống của cháu ổn định, sức khỏe tốt. Mặt khác tại bản tự khai ngày 15/8/2018, cháu Quyên cũng có nguyện vọng được sống với chị P.

- Theo yêu cầu của Tòa án tại quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 452/2018/QĐ-CCTLCC ngày 11/9/2018, chị P cung cấp cho Tòa án xác nhận bảng lương và hợp đồng lao động chị đang làm nhân viên quản lý Công ty cổ phần y học cổ truyền Sao Việt tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh với mức lương là 14 triệu một tháng. Mặt khác chị P hiện mở xưởng sản xuất trang phục quần áo và có đăng ký kinh doanh sản xuất trang phục tại địa chỉ D9TH, tổ 5, KP2, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh(giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 18/10/2018 số 41L8026002do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp)

- Tại bản tự khai ngày 09/8/2018, anh H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên tại phiên hòa giải ngày 07/9/2018 mặc dù không ký biên bản hòa giải nhưng anh H đồng ý để chị P nuôi dưỡng con chung là trẻ Q nếu anh và chị P ly hôn.

- Tòa án yêu cầu anh H cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc anh H nuôi dưỡng giáo dục trẻ Quyên tốt nhất. Nhưng đến nay anh H không cung cấp cho Tòa án bất cứ chứng cứ nào về việc làm, thu nhập, chỗ ở để nuôi dưỡng trẻ Quyên tốt nhất cho Tòa án theo quyết định số 338/2018/QĐ-CCTLCC ngày 09/8/2018.

Từ những chứng cứ phân tích nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu nuôi con của chị P là hoàn toàn chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho trẻ phát triển bình thường. Anh H mặc dù tại bản tự khai có yêu cầu nuôi con chung tuy nhiên anh H không cung cấp cho Tòa án chứng cứ nào về việc làm, thu nhập, chỗ ở để nuôi dưỡng trẻ Quyên tốt nhất. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của anh H. Giao con chung tên Q, sinh ngày 26/10/2009 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về việc cấp dưỡng nuôi con:

Xét việc chị P tự nguyện nuôi cháu Quyên đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con đây là ý chí hoàn toàn tự nguyện của chị P. Căn cứ Điều 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014 về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị P.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P tự khai không có và anh H tại bản tự khai tài sản chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị P tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số AA/2017/0029689 ngày 20/7/2018. Chị P đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 207; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 58 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị P và anh H.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 37, quyền số 01 ngày 20/4/2010 do Ủy ban nhân dân xã Hồng Lý, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình cấp ngày 20 tháng 4 năm 2010 cho chị P và anh H hết hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Q, sinh ngày 26/10/2009. Giao con chung tên Q, sinh ngày 26/10/2009 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này của anh H.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị P tự khai không có. Nếu sau này nếu có phát sinh tranh chấp về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm : Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) đồng chị P tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số AA/2017/0029689 ngày 20/7/2018. Chị P đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt, niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM ;
- Viện kiểm sát nhân dân quận GV
- Chi cục THADS quận GV;
- Ủy ban nhân dân xã Hồng Lý,
Huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã đóng dấu và ký tên